TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨH-TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 02/2018/QĐST- DS	*Ứng Hoà, ngày 31 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ- ƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2018/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đ□ơng sự:

*** Nguyên đơn**: Ngân hàng TMCP BĐLV.

Trụ sở: Tòa nhà Capital Tower, số 109 THĐ, phường CN, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Hữu T - Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP BĐLV. (*Theo giấy ủy quyền số 459/2017/UQ-LPB-HQV ngày 18/10/2017*).

* **Bị đơn đồng thời là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**:

+ Anh Phạm Danh T, sinh năm 1983

Nơi ĐKHKTT: thôn LX, xã LB, huyện ỨH, thành phố Hà Nội.

+ Chị Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1986

Nơi ĐKHKTT: xóm S, thôn VN, xã VQ, huyện TT, thành phố Hà Nội.

* **Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**:

+ Ông Phạm Danh H, sinh năm 1953

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1958.

Đều cơ nơi ĐKHKTT: thôn L X, xã LB, huyện ỨH, thành phố Hà Nội. *(Chị V, ông H và bà D đều ủy quyền cho anh T tham gia tố tụng tại Tòa án)*

2. Sự thoả thuận của các đ□ơng sự cụ thể nh□ sau:

2.1 Bị đơn vợ chồng anh Phạm Danh T chị Nguyễn Thị Thanh V (sau đây gọi tắt là vợ chồng anh T chị V) xác nhận ngày 26/11/2015 có ký kết 01 hợp đồng tín dụng vay vốn Ngân hàng TMCP BĐLV - chi nhánh Đông Đô – PGD Hoàng Quốc Việt (sau đây gọi tắt là Ngân hàng LV), cụ thể: Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số 12315/1029/HĐTD vay số tiền 500.000.000đồng; mục đích vay: tiêu dùng mua sắm đồ dùng gia dụng. Theo đó ngày 27/11/2015 vợ chồng anh T chị V đã nhận giải ngân từ ngân hàng tổng số tiền 500.000.000đồng như đã nêu trên theo giấy đề nghị giải nhân kiêm khế ước nhận nợ số 12315/1029/KU01. Ngoài ra trong Hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đều có các thỏa thuận khác như thời hạn vay, lãi suất, thay đổi lãi suất, tài sản bảo đảm…. và các thỏa thuận khác. Vợ chồng anh T chị V xác nhận hiện còn nợ Ngân hàng LV tính đến ngày 05/7/2018 nh- sau:

Nợ gốc : 445.920.000đồng

Nợ lãi trong hạn: 79.456.443đồng

Nợ lãi quá hạn: 10.317.126đồng

Tổng cộng: **535.693.569**đồng (*Năm trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng*).

2.2 Các bên thoả thuận về thời hạn, ph- ơng thức thanh toán nh- sau:

Chậm nhất đến hết ngày 30/12/2018 anh T chị V phải thanh toán cho Ngân hàng LV tổng số tiền 535.693.569đồng (lãi tính đến ngày 05/7/2018) và tiền lãi phát sinh, cụ thể theo 04 đợt như sau:

Đợt 1: Chậm nhất hết ngày 30/8/2018 anh T chị V có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng LV số tiền 20.000.000đồng;

Đợt 2: Chậm nhất hết ngày 30/9/2018 anh T chị V có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng LV số tiền 30.000.000đồng;

Đợt 3: Chậm nhất hết ngày 30/11/2018 anh T chị V có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng LV số tiền 50.000.000đồng;

Đợt 4: Chậm nhất hết ngày 30/12/2018 anh T chị V có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng LV còn lại số tiền 435.693.569đồng và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 12315/1029/HĐTD ngày 26/11/2015 và khế ước nhận nợ số

12315/1029/KU-01 ngày 27/11/2015 đã ký kết kể từ ngày 06/7/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng LV.

+ Toàn bộ số tiền khi anh T chị V thanh toán, Ngân hàng LV thu và được trừ vào số tiền nợ gốc tr- ớc.

+ Trường hợp anh T chị V trả nợ theo đúng cam kết nêu trên và có đơn đề nghị thì Ngân hàng LV sẽ xem xét miễn, giảm phần tiền nợ lãi cho anh T chị V theo sự thỏa thuận.

- Về lãi suất:

+ Kể từ ngày 06/7/2018 bị đơn tiếp tục phải chịu lãi theo mức lãi suất các bên đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết (Có sự điều chỉnh tăng, giảm theo từng thời kỳ của Ngân hàng) trên số d- nợ gốc t- ơng ứng với thời gian chậm trả.

Nếu bị đơn không thực hiện theo đúng thỏa thuận thanh toán nêu trên (vi phạm về số tiền và thời gian trả nợ) thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp, cụ thể: theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất công chứng số 8427.2015/HĐTC, quyển số 04.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/11/2015 của Văn Phòng Công chứng Đông Đô, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/11/2015 là Quyền sử dụng thửa đất số 265, tờ bản đồ số 10, diện tích là 676 m^2 và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: xã LB, huyện ỨH, TP. Hà Nội, GCNQSD đất số A 935101; số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 01052.QSDĐ/UH do UBND huyện ỨH cấp ngày 20/8/1992 cho ông Phạm Danh H.

Tr- ờng hợp số tiền sau khi phát mại tài sản không đủ trả nợ thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải được trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

2.3 Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án: Nguyên đơn, bị đơn mỗi bên phải chịu số tiền án phí dân sự là 6.356.500 đồng; Chấp nhận sự tự nguyện của Bị đơn nộp cả 12.713.000 đồng (*Mười hai triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự; được miễn giảm 50%, số tiền án phí dân sự sơ thẩm vợ chồng anh Phạm Danh T chị Nguyễn Thị Thanh V còn phải nộp là 6.356.500đồng *(Sáu triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng).*

Hoàn trả cho Ngân hàng LV 11.859.000 *(Mười một triệu tám trăm năm mươi chín nghìn đồng chẵn)* số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008696 ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện □H.

3. Tr- ờng hợp quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện □H;
- Chi cục T.H.A DS huyện □H;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thiện